

## THÀNH PHẦN LOÀI CHIM TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ DUY\*, TRẦN VĂN BẰNG\*\*

### TÓM TẮT

*Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu về thành phần loài chim ở đô thị đầu tiên tại miền Nam Việt Nam. Với 81 loài được ghi nhận, cho thấy khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) có sự đa dạng hơn về số loài chim so với các thành phố khác trên thế giới. Trong quá trình đô thị hóa, những mảng xanh tại các công viên trong khu vực nội thành TPHCM đóng vai trò quan trọng duy trì sự đa dạng các loài chim bản địa.*

**Từ khóa:** thành phần loài chim ở đô thị, công viên, TP Hồ Chí Minh.

### ABSTRACT

#### *The Avifauna species composition in the urban area of Ho Chi Minh City*

*The article presents results of the first study on the species composition of the Avifauna in urban area in the South of Vietnam. With a total of 81 species recorded, it is suggested that there is a greater diversity of bird species in the urban area of Ho Chi Minh city than that of other cities around the world. During urbanization, the green areas in parks in the urban area of Ho Chi Minh City plays an important role in maintaining the diversity of domestic bird species.*

**Keywords:** the Avifauna species composition in the urban area, urban parks, Ho Chi Minh City.

### 1. Mở đầu

Trong bối cảnh đô thị hóa, TPHCM không tránh khỏi việc sử dụng quỹ đất chuyển đổi các mảng xanh tự nhiên thành các khu dân cư và công trình phục vụ phát triển kinh tế. Do đó dưới áp lực của phát triển cơ sở hạ tầng, diện tích mảng xanh của khu vực đô thị nói riêng và vùng ven nói chung đã suy giảm; có thể gây ảnh hưởng, xáo trộn các hệ sinh thái. Chính vì vậy, việc tiếp cận các cảnh quan đô thị theo hướng sinh thái, thân thuộc với môi trường được xem là những hướng mới trong phát triển đô thị.

Từ những năm 1990, cấu trúc sinh cảnh trong khu vực đô thị như là hệ sinh thái có cấu trúc và chức năng tương tự một hệ sinh thái tự nhiên. Quá trình đô thị hóa đã hình thành nên môi trường đô thị nhưng trên khía cạnh sinh thái thì môi trường đô thị

---

\* Cử nhân, Viện Sinh thái học Miền Nam - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Email: leduy04h@gmail.com

\*\* ThS, Viện Sinh thái học Miền Nam - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

không phải là sự mất đi sinh cảnh cho động vật hoang dã mà hình thành sinh cảnh mới với tiềm năng phù hợp cho nhiều loài, đặc biệt là các loài chim. [11]

Nghiên cứu về chim đô thị có lẽ bắt đầu từ những năm đầu của thập niên 70 của Emlen với bài báo “*An urban bird community in Tucson, Arizona: Derivation, structure, regulation*” [6]. Các nghiên cứu sau này cho thấy độ phong phú của chim trong khu vực đô thị luôn cao hơn so với hệ sinh thái tự nhiên [5]. Chace & Walsh (2006) [5] đã thống kê được 06 nhân tố chính xác định loài chim có thể cùng sinh sống với khu dân cư bao gồm: (1) thảm thực vật tự nhiên còn sót lại; (2) cạnh tranh với các loài du nhập lâu đời từ hoạt động di cư của con người; (3) loài săn mồi du nhập; (4) cấu trúc và thành phần loài của thảm thực vật; (5) hoạt động cho ăn của con người và (6) lượng dư thừa thuốc trừ sâu. Số lượng loài ghi nhận được trong các công viên phụ thuộc vào diện tích, đặc biệt đúng với các công viên có diện tích dưới 1ha.

Nghiên cứu chuyên về một nhóm loài thì có Mahood và cộng sự (2013) [8] nghiên cứu về các loài đớp ruồi trong hai công viên ở Hà Nội là Vườn Bách thảo và Công viên Lê Nin. Thành phần các loài chim trong khu vực đô thị ở Việt Nam ít được nghiên cứu, có thể nói chưa có nghiên cứu nào chuyên về khu hệ. Bài báo này, chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu về thành phần loài chim ở đô thị đầu tiên tại miền Nam Việt Nam.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1 Thời gian và địa điểm

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 5/2013 đến tháng 10/2013. Địa điểm khảo sát là khu vực thuộc nội thành của TPHCM, bao gồm các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Gò Vấp, Tân Phú và Tân Bình. Mỗi điểm khảo sát thành phần loài chim được tiến hành trong hai ngày. Ngoài ra, khu vực nghiên cứu còn được tập trung trong các công viên chính của TP bao gồm: Công viên Tao Đàn, Gia Định, Hoàng Văn Thụ, Lê Thị Riêng, Công viên 23/9, Lê Văn Tám, Công viên Quận 4 và khu vực thuộc Hội trường Thống Nhất.

### 2.2 Phương pháp điều tra và định danh

Thời gian khảo sát thành phần loài chim vào ban ngày, trong đó dành chủ yếu thời gian điều tra khoảng 30 phút sau khi mặt trời mọc đến giữa buổi sáng và chiều muộn, là khoảng thời gian chim hoạt động nhiều nhất trong ngày [3]. Loài sẽ được nhận dạng dựa trên các tài liệu chuyên ngành [1, 10]. Hệ thống phân loại, thứ tự và danh pháp theo Lê Mạnh Hùng (2012) [1].

Tình trạng bảo tồn của các loài được xác định theo Sách Đỏ Việt Nam (2007), Danh lục các loài bị đe dọa của IUCN (2015) và theo Nghị định 32/2006/NĐ-CP về quản lý các loài động thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm. Đặc điểm loài định cư và di cư theo Birdlife International 2015.

### 3. Kết quả

Kết quả khảo sát đã ghi nhận 81 loài chim (xem Bảng 1) thuộc 12 Bộ và 36 Họ. Trong đó có 04 loài nằm trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP, 01 loài chim ngoại lai và 20 loài chim di cư.

**Bảng 1.** Danh sách các loài chim trong khu vực nội thành TPHCM

Stt	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Khu vực	Ghi chú
<b>Anseriformes</b>		<b>Bộ Ngỗng</b>		
<b>Anatidae</b>		<b>Họ Vịt</b>		
1	<i>Dendrocygna javanica</i> (Horsfield, 1821)	Le nâu	13	
2	<i>Anas poecilorhyncha</i> Linnaeus, 1758	Vịt trời	13	1
<b>Ciconiiformes</b>		<b>Bộ Hạc</b>		
<b>Ardeidae</b>		<b>Họ Diệc</b>		
3	<i>Nycticorax nycticorax</i> Linnaeus, 1758	Vạc	13	1
4	<i>Ardeola bacchus</i> (Bonaparte, 1855)	Cò bọ	4,13	1
5	<i>Bubulcus coromandus</i> Linnaeus, 1758	Cò ruồi	13	1
6	<i>Ardea cinerea</i> Linnaeus, 1758	Diệc xám	13	1
7	<i>Ardea purpurea</i> (Linnaeus, 1766)	Diệc lửa	13	1
8	<i>Ardea alba</i> Linnaeus, 1758	Cò ngàng lớn	13	
9	<i>Mesophox intermedia</i> Wagler, 1827	Cò ngàng nhỏ	13	1
10	<i>Egretta garzetta</i> Linnaeus, 1766	Cò trắng	13	1
<b>Pelecaniformes</b>		<b>Bộ Bò nông</b>		
<b>Pharacrocoracidae</b>		<b>Họ Cốc</b>		
11	<i>Pharacrocorax niger</i> Vieillot, 1817	Cốc đen	13	
<b>Falconiformes</b>		<b>Bộ Cắt</b>		
<b>Falconidae</b>		<b>Họ Cắt</b>		
12	<i>Accipiter virgatus</i> Temminck, 1822	Ứng bụng hung	4,13	
13	<i>Butastur liventer</i> (Temminck, 1827)	Ứng xám	9,13	1
<b>Charadriiformes</b>		<b>Bộ Rẽ</b>		
<b>Scolopacidae</b>		<b>Họ Rẽ</b>		
14	<i>Actitis hypoleucos</i> (Linnaeus, 1758)	Choắt nhỏ	4,13	1
<b>Columbiformes</b>		<b>Bộ Bò câu</b>		
<b>Columbidae</b>		<b>Họ Bò câu</b>		
15	<i>Streptopelia tranquebarica</i> (Hermann, 1804)	Cu ngói	5,13	
16	<i>Streptopelia chinensis</i> (Scopoli, 1786)	Cu gáy	4,5,6,7,9,10,11,1 2,13	
17	<i>Treron vernans</i> (Linnaeus, 1771)	Cu xanh đầu xám	13	
18	<i>Geopelia striata</i> (Linnaeus, 1766)	Cu bụng vàng	9,13	3
<b>Psittaciformes</b>		<b>Bộ Vẹt</b>		

Stt	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Khu vực	Ghi chú
<b>Psittacidae</b>		<b>Họ Vẹt</b>		
19	<i>Loriculus vernalis</i> Sparrman, 1787	Vẹt lùn	5,13	1,2
20	<i>Psittacula roseata</i> Biswas, 1951	Vẹt đầu hồng	6,13	2
21	<i>Psittacula alexandri</i> (Linnaeus, 1758)	Vẹt ngực đỏ	6,13	2
<b>Cuculiformes</b>		<b>Bộ Cu cu</b>		
<b>Cuculidae</b>		<b>Họ Cu cu</b>		
22	<i>Cacomantis merulinus</i> (Scopoli, 1786)	Tim vẹt	13	
23	<i>Eudynamis scolopacea</i> Linnaeus, 1758	Tu hú	5,13	
24	<i>Rhopodytes tristis</i> (Lesson, 1830)	Phuơn, Coọc	4,6,13	
25	<i>Centropus sinensis</i> (Stephens, 1815)	Bìm bịp lớn	13	
<b>Strigiformes</b>		<b>Bộ Cú</b>		
<b>Tytonidae</b>		<b>Họ Cú lợn</b>		
26	<i>Tyto alba</i> (Scopoli, 1769)	Cú lợn lưng xám	13	2
<b>Apodiformes</b>		<b>Bộ Yến</b>		
<b>Apodidae</b>		<b>Họ Yến</b>		
27	<i>Aerodramus germani</i> Oustalet, 1876	Yến hồng xám	4,13	
28	<i>Cypsiurus balasiensis</i> Gray, JE, 1829	Yến cọ	4,8,9,13	
29	<i>Apus pacificus</i> (Latham, 1802)	Yến hồng trắng	13	
30	<i>Apus affinis</i> (JE Gray, 1830)	Yến cằm trắng	13	
<b>Coraciiformes</b>		<b>Bộ Sả</b>		
<b>Coraciidae</b>		<b>Họ Sả rừng</b>		
31	<i>Halcyon smyrnensis</i> (Linnaeus, 1758)	Sả đầu nâu	4,6,13	
32	<i>Todiramphus chloris</i> (Boddaert, 1783)	Sả khoang cổ	6,13	
33	<i>Halcyon pileata</i> (Boddaert, 1783)	Sả đầu đen	13	1
34	<i>Alcedo atthis</i> (Linnaeus, 1758)	Bồng chanh	4,7,13	1
35	<i>Ceyx erithaca</i> (Linnaeus, 1758)	Bồng chanh đỏ	13	
<b>Upupidae</b>		<b>Họ Đầu rìu</b>		
36	<i>Upupa epops</i> Linnaeus, 1758	Đầu rìu	10,13	
<b>Bucerotidae</b>		<b>Họ Hồng hoàng</b>		
37	<i>Anthracoceros albirostris</i> (Shaw & Nodder, 1807)	Cao cát bụng trắng	13	
<b>Piciformes</b>		<b>Bộ Gõ kiến</b>		
<b>Ramphastidae</b>		<b>Họ Cu róc</b>		
38	<i>Megalaima australis</i> (Horsfield, 1821)	Cu róc đầu đen	13	
39	<i>Megalaima haemacephala</i> Statius Muller, 1776	Cu róc cổ đỏ	4,5,6,7,8,9,10,11,12,13	
<b>Picidae</b>		<b>Họ Gõ kiến</b>		

Stt	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Khu vực	Ghi chú
40	<i>Dendrocopos canicapillus</i> (Blyth, 1845)	Gỗ kiến nhỏ đầu xám	13	
<b>Passeriformes</b>		<b>Bộ Sẻ</b>		
<b>Campephagidae</b>		<b>Họ Phường chèo</b>		
41	<i>Coracina polioptera</i> (Sharpe, 1879)	Phường chèo xám nhỏ	10,13	
42	<i>Pericrocotus flammeus</i> Forster, 1781	Phường chèo đỏ lớn	4,5,6,10,13	
43	<i>Hemipus picatus</i> Sykes, 1832	Phường chèo đen	13	
<b>Oriolidae</b>		<b>Họ Vàng anh</b>		
44	<i>Oriolus chinensis</i> Linnaeus, 1766	Vàng anh Trung Quốc	6,9,13	1
<b>Aegithinidae</b>		<b>Họ Chim nghệ</b>		
45	<i>Aegithina tiphia</i> (Linnaeus, 1758)	Chim nghệ ngực vàng	4,5,6,10,12,13	
<b>Rhipiduridae</b>		<b>Họ Rẻ quạt</b>		
46	<i>Rhipidura javanica</i> (Sparman, 1788)	Rẻ quạt Java	4,6,13	
<b>Dicruridae</b>		<b>Họ Chèo béo</b>		
47	<i>Dicrurus leucophaeus</i> Vieillot, 1817	Chèo béo xám	8,10,12,13	1
<b>Monarchidae</b>		<b>Họ Thiên đường</b>		
48	<i>Hypothymis azurea</i> (Boddaert, 1783)	Đớp ruồi xanh gáy đen	10,13	
49	<i>Terpsiphone paradisi</i> (Linnaeus, 1758)	Thiên đường đuôi phướn	10,13	
<b>Corvidae</b>		<b>Họ Quạ</b>		
50	<i>Corvus macrorhynchos</i> (Rasmussen & Anderton, 2005)	Quạ đen	5,10,13	
51	<i>Urocissa erythrorhyncha</i> (Boddaert, 1783)	Giẻ cùi	13	
<b>Laniidae</b>		<b>Họ Bách thanh</b>		
52	<i>Lanius cristatus</i> Linnaeus, 1758	Bách thanh mày trắng	9,13	1
<b>Nectariniidae</b>		<b>Họ Hút mật</b>		
53	<i>Anthreptes malacensis</i> (Scopoli, 1786)	Hút mật họng nâu	13	
<b>Dicaeidae</b>		<b>Họ Chim sâu</b>		
54	<i>Dicaeum cruentatum</i> (Linnaeus, 1758)	Chim sâu lưng đỏ	4,5,6,13	
<b>Chloropseidae</b>		<b>Họ Chim xanh</b>		
55	<i>Chloropsis cochinchinensis</i> Gmelin, 1788	Chim xanh Nam Bộ	13	
<b>Ploceidae</b>		<b>Họ Sẻ</b>		
56	<i>Ploceus philippinus</i> (Linnaeus, 1766)	Rồng rộc	4,9,13	
<b>Estrildidae</b>		<b>Họ Chim di</b>		
57	<i>Lonchura striata</i> (Linnaeus, 1766)	Di cam	5,13	
58	<i>Lonchura punctulata</i> (Linnaeus, 1758)	Di đá	5,9,13	
59	<i>Lonchura malacca</i> (Linnaeus, 1766)	Di đầu đen	13	

Stt	Tên khoa học	Tên tiếng Việt	Khu vực	Ghi chú
60	<i>Lonchura maja</i> (Linnaeus, 1766)	Di đầu trắng	4,9,13	
<b>Passeridae</b>		<b>Họ Sẻ nhà</b>		
61	<i>Passer domesticus</i> (Linnaeus, 1758)	Sẻ nhà	13	
62	<i>Passer flaveolus</i> Blyth, 1844	Sẻ bụi vàng	4,5,13	
63	<i>Passer montanus</i> (Linnaeus, 1758)	Sẻ	4,5,6,7,8,9,10,11,12,13	
<b>Sturnidae</b>		<b>Họ Sáo</b>		
64	<i>Acridotheres tristis</i> (Linnaeus, 1766)	Sáo nâu	5,10,13	
65	<i>Acridotheres grandis</i> Moore, 1858	Sáo mỏ vàng	4,5,6,10,13	
<b>Muscicapidae</b>		<b>Họ Đớp ruồi</b>		
66	<i>Saxicola caprata</i> Linnaeus, 1766	Sẻ bụi đen	13	
67	<i>Ficedula albicilla</i> (Bechstein, 1792)	Đớp ruồi họng đỏ	6,10,13	
68	<i>Muscicapa dauurica</i> Pallas, 1811	Đớp ruồi nâu	4,6,13	1
69	<i>Copsychus saularis</i> (Linnaeus, 1758)	Chích chòe than	6,10,13	
70	<i>Copsychus malabaricus</i> (Scopoli, 1788)	Chích chòe lửa	13	
<b>Pycnonotidae</b>		<b>Họ Chào mào</b>		
71	<i>Pycnonotus jocosus</i> (Linnaeus, 1758)	Chào mào	4,9,13	
72	<i>Pycnonotus goiavier</i> (Scopoli, 1886)	Bông lau mày trắng	7,9,13	
73	<i>Pycnonotus blanfordi</i> Jerdon, 1862	Bông lau tai vằn	4,5,6,7,8,9,13	
<b>Hirundinidae</b>		<b>Họ Nhạn</b>		
74	<i>Hirundo rustica</i> Linnaeus, 1758	Nhạn bụng trắng	4,5,6,7,8,9,11,13	1
75	<i>Cecropis daurica</i> (Laxmann, 1769)	Nhạn bụng xám	13	1
<b>Phylloscopidae</b>		<b>Họ Chim chích</b>		
76	<i>Phylloscopus inornatus</i> (Blyth, 1842)	Chích mày lớn	8,10,11,12,13	
<b>Timaliidae</b>		<b>Họ Khướu</b>		
77	<i>Zosterops palpebrosa</i> (Temminck, 1824)	Vành khuyên họng vàng	4,13	1
78	<i>Garrulax monileger</i> Riley, 1930	Khướu khoang cổ	10,13	
<b>Cisticolidae</b>		<b>Họ Chiền chiện</b>		
79	<i>Orthotomus ruficeps</i> Lesson, 1830	Chích bông nâu	4,6,12,13	
80	<i>Orthotomus atrogularis</i> Temminck, 1836	Chích bông cánh vàng	4,13	
81	<i>Orthotomus sutorius</i> (Pennant, 1769)	Chích bông đuôi dài	4,7,8,9,13	

Chú thích: 1: Loài di cư; 2: Loài trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP; 3: Loài ngoại lai; 4: Công viên Tao Đàn; 5: Công viên Đầm Sen; 6: Thảo Cầm Viên; 7: Công viên Lê Thị Riêng; 8: Hoàng Văn Thụ; 9: Công viên Gia Định; 10: Hội trường Thống nhất; 11: Công viên Lê Văn Tám; 12: Công viên 23-9; 13: Các khu vực khác.

Trong nghiên cứu này, 24 loài chim nêu dưới đây cần được quan tâm ở khía cạnh quản lý và bảo tồn bởi: (1) Các loài hiện được ưu tiên bảo vệ bởi pháp luật Việt Nam; (2) Loài mang yếu tố di cư, trú đông và (3) Loài ngoại lai. Ngoại trừ loài được ưu tiên bảo vệ bởi pháp luật thì việc đưa các loài có đặc tính di cư vào danh sách này bởi chúng có xu hướng di chuyển vùng sinh sống theo mùa. Do đó, việc đảm bảo được điều kiện môi trường sống cho loài vào mùa di cư, trú đông có ý nghĩa quan trọng giúp loài đó tồn tại. Đối với loài ngoại lai, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thể hiện mối quan tâm đến với các sinh vật ngoại lai, du nhập bởi khả năng thích nghi cao, cạnh tranh mạnh với các loài bản địa và gây ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài bản địa.

#### **Vịt trời (*Anas poecilorhyncha*)**

Hai cá thể Vịt trời được quan sát tại quận Gò Vấp; là loài sinh sống chủ yếu ở sinh cảnh đồng cỏ ngập nước, các đầm lầy, hồ, kênh nước lớn; phân bố ở Đông Á, đây là loài trú đông.

#### **Bồng chanh (*Alcedo atthis*)**

Hai cá thể được quan sát tại các hồ nước tại Công viên Tao Đàn và Lê Thị Riêng. Ít nhất một cá thể được quan sát tại khu vực Quận 11 và Gò Vấp là loài di trú đông trong cả nước.

#### **Sả đầu đen (*Halcyon pileata*)**

Được ghi nhận ven sinh cảnh kênh nước gần các khu công viên ở Quận 11; là loài di trú đông tương đối phổ biến trong cả nước nói riêng và vùng Đông Nam Á nói chung; ghi nhận lên đến độ cao 1300 m trong mùa di cư.

#### **Vẹt lùn (*Loriculus vernalis*)**

Thường thấy loài này đi kiếm ăn theo cặp; ít nhất hai cá thể được ghi nhận ở Công viên Đầm Sen và Quận 5. Hiện nay, Vẹt lùn được xếp vào nhóm IIB (nhóm các loài động vật hoang dã hạn chế khai thác và sử dụng) trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP.

#### **Vẹt đầu hồng (*Psittacula roseata*)**

Ngoài Thảo Cầm Viên là nơi có nhiều cây cao, thích hợp cho Vẹt đầu hồng sử dụng nơi làm tổ, kiếm ăn thì các mảng xanh có cây cao như cây dầu trong khu vực Quận 5, Quận 3 cũng có ghi nhận loài này. Vẹt đầu hồng thường di chuyển theo bầy từ 5-10 cá thể, có kích thước tương đối lớn. Vẹt đầu hồng được xếp vào nhóm IIB trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP.

#### **Cú lợn lưng xám (*Tyto alba*)**

Loài này khá phổ biến ở khu vực nội thành TPHCM, nơi có nguồn thức ăn phong phú là loài gặm nhấm như chuột; rất hay gặp loài này đi kiếm ăn vào ban đêm tại các mảng xanh của Quận 5, Tân Bình, Quận 1 và Phú Nhuận; được xếp vào nhóm IIB trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP.

**Cu bụng vằn (*Geopelia striata*)**

Cu bụng vằn là loài không có nguồn gốc bản địa ở Việt Nam. Tuy nhiên, loài này khá phổ biến trong khu vực nội thành; bắt gặp loài này trong khu vực Công viên Gia Định và một số mảng xanh nhỏ trong khu vực nội thành. Có ít nhất 02 cặp được ghi nhận trong một số công viên (Gia Định, Đầm Sen) và 01 cá thể khác tại Quận 1, gần với Thảo Cầm Viên.

**Choắt nhỏ (*Actitis hypoleucos*)**

Một cá thể loài này được quan sát ở Công viên Tao Đàn, kiếm ăn ven hồ nước. Một cá thể khác được ghi nhận tại Gò Vấp. Trong vùng phân bố, loài này di trú đông.

**Ưng xám (*Accipiter badius*)**

Loài chim ăn thịt này được ghi nhận tại Công viên Gia Định, với số lượng cá thể bắt gặp là 01 cá thể; có thể xem loài này định cư tại khu vực nội thành TP HCM. Trong vùng phân bố Đông Nam Á, loài di trú đông ở bán đảo Malaysia và nam Thái Lan.

**Cò trắng (*Egretta garzetta*)**

Ít phổ biến tại các khu vực nội thành TP HCM. Tuy nhiên, ven vùng ngoại ô loài này khá phổ biến tại sinh cảnh đất ngập nước khu vực Quận 2. Cò trắng vừa định cư và di trú đông trong vùng phân bố.

**Diệc xám (*Ardea cineretra*)**

Loài chim di trú đông ven biển, tương đối phổ biến tại Đông Bắc, Trung Bộ và Nam Bộ. Quan sát được một cá thể đang bay ở Quận Gò Vấp, loài này được xem là một trong những loài ít bắt gặp tại khu vực nội thành.

**Diệc lửa (*Ardea purpurea*)**

Loài di trú đông không phổ biến ở vùng Nam Bộ. Loài ít phong phú trong khu vực nội thành (bắt gặp một cá thể ở Quận Bình Thạnh).

**Cò ngàng nhỏ (*Mesophoyx intermedia*)**

Trong nghiên cứu này, loài này được đánh giá ở mức độ ít phổ biến tại các khu vực nội thành. Là loài di trú đông phổ biến ở Trung và Nam Bộ ngoại trừ vùng Đông Bắc.

**Cò ruồi (*Bubulcus ibis*)**

Loài bắt gặp tương đối phổ biến vùng ngoại ô (Quận 2), tuy nhiên rất ít gặp ở các công viên trong các khu vực nội thành. Đây là loài vừa định cư và di trú đông trong cả nước.

**Cò bọ (*Ardeola bacchus*)**

Hai cá thể đang kiếm ăn ở ven hồ nước được ghi nhận tại Công viên Tao Đàn và một cá thể được ghi nhận ở Quận Gò Vấp và Quận 11. Là loài di trú đông phổ biến trong cả nước.



**Vạc (*Nycticorax nycticorax*)**

Ít phổ biến trong khu vực nội thành, 01 cá thể đang bay được ghi nhận ven kênh ở Quận 8. Loài này di trú đông đến một số vùng trong khu vực Đông Nam Á.

**Vàng anh Trung Quốc (*Oriolus chinensis*)**

Một cá thể của loài này đã được ghi nhận trong Công viên Gia Định và 02 cá thể khác bắt gặp trong Thảo Cầm Viên. Các quan sát trên thực địa đã ghi nhận loài này đậu trên các cây cao trong công viên. Loài định cư và di trú đông trong cả nước.

**Chèo bẻo xám (*Dicrurus leucophaeus*)**

Kết quả điều tra đã ghi nhận 02 cá thể Chèo bẻo xám trong Công viên Hoàng Văn Thụ, 02 cá thể tại Hội trường Thống Nhất và 01 cá thể trong Công viên 23/9. Rất hiếm khi ghi nhận loài này xuất hiện bên ngoài các công viên. Loài định cư và di trú đông trong cả nước.

**Bách thanh mày trắng (*Lanius cristatus*)**

Hai cá thể của loài này được ghi nhận trong Công viên Gia Định. Loài này cũng được ghi nhận trong các mảng xanh còn sót lại ven sông của Quận 1, Quận 5 nhưng số lượng ghi nhận không nhiều. Loài định cư và di trú đông trong cả nước.

**Đớp ruồi nâu (*Muscicapa dauurica*)**

Công viên Tao Đàn và Thảo Cầm Viên là hai công viên ở khu vực nội thành có ghi nhận loài Đớp ruồi nâu, với số lượng cá thể ghi nhận tương ứng là 03 và 02 cá thể. Loài định cư và di trú đông trong cả nước.

**Nhạn bụng trắng (*Hirundo rustica*)**

Nhạn bụng trắng là loài khá phổ biến trong khu vực nội thành, chúng thường đi kiếm ăn theo từng bầy có kích thước lớn. Loài này là đối tượng bị săn bắt thường xuyên và đem bán trước các chùa để phóng sinh. Loài định cư và di trú đông trong cả nước.

**Nhạn bụng xám (*Hirundo daurica*)**

Bên cạnh Nhạn bụng trắng, Nhạn bụng xám cũng là đối tượng bị bắt nhiều nhất để bán cho người dân phóng sinh. Rất dễ bắt gặp loài này tại các chùa trong nội thành. Loài định cư và di trú đông trong cả nước.

**Vành khuyên họng vàng (*Zosterops palpebrosus*)**

Hai cá thể Vành khuyên họng vàng đã được ghi nhận khi đang kiếm ăn trong các cây xanh ven bờ hồ tại Công viên Đầm Sen.

**4. Thảo luận**

Trong 81 loài chim được phát hiện tại khu vực nội thành, có 51 loài gặp được tại các công viên chính, trong đó Công viên Tao Đàn (27 loài), Thảo Cầm Viên (20 loài), Đầm Sen (17 loài) và Công viên Gia Định (16 loài) có mức độ đa dạng thành phần loài chim cao hơn so với các công viên còn lại. So với các hệ sinh thái tự nhiên khác thì số

lượng loài chim trong khu vực nội thành TPHCM ít hơn nhiều, cụ thể như tại Khu bảo tồn Thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu có 195 loài chim đã được ghi nhận [2]. Điều này cũng cho thấy sự suy giảm về sự đa dạng sinh học, đặc biệt đối với nhóm động vật, khi quá trình đô thị hóa diễn ra. Các nghiên cứu về sự đa dạng loài trong khu hệ chim ở khu vực đô thị cho thấy, hệ sinh thái đô thị được xem là kiểu sinh thái phù hợp cho một số ít loài có khả năng thích nghi cao với sự hiện diện của con người [11]. Do đó, thành phần loài chim ghi nhận được trong nghiên cứu này đều là những loài có phân bố phổ biến trong cả nước là một kết quả dễ hiểu.

Thành phần các loài chim được ghi nhận trong nghiên cứu này là những loài hoang dã, sống trong môi trường tự nhiên tại khu vực nội thành TPHCM. Riêng loài Cu bụng vằn (*Geopelia striata*) được xem không phải là loài chim bản địa của Việt Nam. Cu bụng vằn có nguồn gốc từ khu vực bán đảo Malaysia đến vùng Indonesia [4]. Sự du nhập loài này theo con đường buôn bán sinh vật cảnh có thể là nguyên nhân chính cho sự hiện diện của loài này tại Việt Nam. Một số nghiên cứu gần đây về khu hệ chim đã ghi nhận loài này có vùng phân bố ở khá rộng ở miền Nam như Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát, Khu bảo tồn Thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu, Vườn Quốc gia Cát Tiên và một số tỉnh ở đồng bằng Sông Cửu Long.

Mặc dù nằm trong xu thế đô thị hóa diễn ra nhanh trong những năm gần đây; nhưng một số mảng xanh tự nhiên như Công viên Đầm Sen, Công viên Gia Định, Thảo Cầm Viên ít chịu tác động thay đổi mạnh bởi con người; nên vẫn giữ được sự đa dạng về loài. Và vẫn cao hơn nhiều đô thị đã phát triển lâu trên thế giới; Ví dụ như tại khu vực nội thành Greater Vancouver của British Columbia, Melle và cộng sự chỉ ghi nhận được 42 loài chim [9], hay chỉ 64 loài chim ở thành phố Taubaté, bang Sao Paulo, Brazil [12].

Trong hệ sinh thái đô thị TPHCM, vai trò duy trì tính đa dạng thành phần loài chim của Công viên Tao Đàn, Thảo Cầm Viên, Đầm Sen và Công viên Gia Định là quan trọng nhất bởi các khu vực này có diện tích lớn, có sự đa dạng về cảnh quan và còn giữ được nhiều loài cây bản địa. Bên cạnh đó, tốc độ mở rộng đô thị tại khu vực Quận 11 và Gò Vấp là nhanh nhưng mới diễn ra trong thời gian gần đây và vẫn giữ được một phần sinh cảnh nông thôn tự nhiên nên vẫn còn giữ được nhiều loài chim phù hợp với sinh cảnh nông thôn như các loài Di, Chiền chiện, Rẻ quạt.

Hoạt động nuôi chim cảnh và đánh bắt chim tự nhiên về nuôi, ăn thịt hoặc buôn bán vẫn đang diễn ra hằng ngày ở trong và ven đô thị TPHCM, đây có thể được xem là nguyên nhân chính làm suy giảm nhiều quần thể các loài chim bản địa. Mặc dù chưa có ghi nhận về tác động của động vật nuôi lên khu hệ chim ở Việt Nam, nhưng những nghiên cứu trên thế giới cho thấy các loài vật nuôi như Mèo nhà (*Felis catus*) là một trong những nguyên nhân chính làm suy giảm số lượng cá thể, ảnh hưởng đến loài Cuốc California (*Callipepla californicus*). [7]

Trong khi nghiên cứu ở môi trường tự nhiên, sự tác động của con người làm sinh cảnh bị phá hủy, chia cắt là nguyên nhân chính gây nên sự tuyệt chủng địa phương đối

với nhiều loài chim rừng [11], các nghiên cứu tìm hiểu về nguyên nhân suy giảm chim ở khu vực đô thị ít được đề cập đến. Mặc dù sự hình thành nên sinh cảnh đô thị giúp tạo nên sự thu hút đối với nhiều loài chim ngoại lai, nhưng số lượng loài hiện diện ngoài tự nhiên vẫn ít. Từ nghiên cứu này và các nghiên cứu khác, những nguyên nhân chính làm suy giảm số lượng loài chim tại một khu vực đô thị có thể là: (1) sự suy giảm về thảm thực vật tự nhiên, bản địa, môi trường sinh sống chủ yếu của hầu hết các loài chim; (2) sự tác động của con người như tiếng ồn, đánh bắt; (3) sự phát triển vượt trội của các loài chim du nhập; (4) sự tác động của các loài vật nuôi.

## 5. Kết luận

Với 81 loài chim được ghi nhận, khu vực nội thành TPHCM có đặc điểm một khu hệ chim đô thị điển hình, mang yếu tố phổ biến, bản địa và ngoại lai. Tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh nhưng các mảng xanh quan trọng tại các công viên còn được giữ lại đóng vai trò quan trọng giúp duy trì sự đa dạng về khu hệ chim bản địa. Các nghiên cứu chuyên sâu hơn về sự biến động thành phần loài chim của khu vực nội thành, ngoại ô và vùng giáp ranh sẽ giúp các nhà quy hoạch đô thị xây dựng được chiến lược đô thị hóa bền vững, giúp phát triển kinh tế như du lịch sinh thái xem chim (Birdwatching) mà vẫn đảm bảo giữ được tính đa dạng sinh học bản địa.

---

**Ghi chú:** Nghiên cứu được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài “Khu hệ chim khu vực nội thành Thành phố Hồ Chí Minh”, Viện Sinh thái học Miền Nam.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Mạnh Hùng (2012), *Giới thiệu một số loài chim Việt Nam*, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
2. Phùng Bá Thịnh, Nguyễn Hào Quang và Hoàng Minh Đức (2013), “Khu hệ chim Khu bảo tồn Thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu”, *Kỷ yếu Hội nghị Khoa học toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật lần thứ 5*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Bibby, C., Jones, M. & Marsden, S. (2000), *Expedition Field Techniques: BIRD SURVEYS*, BirdLife International, Cambridge.
4. BirdLife International (2016), *Species factsheet: Geopelia striata*. 2016, Downloaded from <http://www.birdlife.org> on 08/01/2016.
5. Chace, J. F. & Walsh, J. J. (2006), "Urban effects on native avifauna: a review", *Landscape and Urban Planning*, 74(1), 46-69.
6. Emlen, J. T. (1974), "An urban bird community in Tucson, Arizona: Derivation, structure, regulation", *Condor*, 76, 184-197.
7. Hawkins, C. C., Grant, W. E. & Longnecker, M. T. (2004), *Effect of house cats, being fed in parks, on California birds and rodents, Proceedings 4th International Urban Wildlife Symposium*, Arizona.

8. Mahood, S. P., Delonglée, S., Klingel, F., Wicker, F. & Craik, R. (2013), "The Status of Brown-chested Jungle flycatcher *Rhinomyias brunneatus* in Vietnam", *Forktail*, 29, 124-127.
9. Melles, S., Glenn, S. & Martin, K. (2003), "Urban Bird Diversity and Landscape Complexity: Species–environment Associations Along a Multiscale Habitat Gradient", *Conservation Ecology*, 7(1), 1-5.
10. Robson, C. (2010), *A Field Guide to the Birds of South-East Asia*, New Holland Publishers.
11. Shochat, E., Lerman, S. & Fernández-Juricic, E. (2010), "Birds in Urban Ecosystems: Population Dynamics, Community Structure, Biodiversity, and Conservation", *Urban Ecosystem Ecology*, 75-86.
12. Toledo, M. C. B. d., Donatelli, R. J. & Batista, G. T. (2012), "Relation between green spaces and bird community structure in an urban area in Southeast Brazil", *Urban Ecosystems*, 15, 111-131.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-02-2016; ngày phản biện đánh giá: 16-6-2016;  
ngày chấp nhận đăng: 23-9-2016)